

CHÍNH PHỦ
Số: 26/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 1996

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

1. Mọi hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường (dưới đây gọi là vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường) của các tổ chức, cá nhân mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường trong phạm vi lãnh thổ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng bị xử phạt theo quy định của Nghị định này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

3. Mọi hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường phải được phát hiện kịp thời và bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, đúng pháp luật; mọi

hậu quả về môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Một hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường chỉ bị xử phạt một lần.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường thì bị xử phạt từng hành vi vi phạm.

Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

5. Việc xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường phải căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức xử phạt và các biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của Nghị định này.

6. Không xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 2. Bồi thường thiệt hại về môi trường

Việc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường gây ra được tiến hành theo nguyên tắc thoả thuận giữa bên có hành vi gây ra thiệt hại và bên bị thiệt hại.

Đối với những thiệt hại về vật chất do vi phạm hành chính và bảo vệ môi trường gây ra có giá trị đến 1.000.000 đồng mà không tự thoả thuận được thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định mức bồi thường, những thiệt hại có giá trị từ trên 1.000.000 đồng được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường là hai năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng có thể áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và d thuộc khoản 3 của Điều 11 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án vi phạm Luật Bảo vệ môi trường ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt hành chính nếu hành vi của cá nhân có dấu hiệu vi phạm hành chính về

bảo vệ môi trường; thời hiệu xử phạt hành chính là ba tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này nếu cá nhân, tổ chức có vi phạm hành chính mới về bảo vệ môi trường hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử lý thì thời hiệu xử phạt tính từ thời điểm thực hiện vi phạm mới hoặc từ thời điểm có hành vi cố tình trốn tránh, cản trở việc xử lý chấm dứt.

4. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường nếu quá một năm, kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm, thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường ở địa phương mình.

2. Chánh thanh tra và thanh tra viên về bảo vệ môi trường của các cơ quan: Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Môi trường và Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường có thẩm quyền xử phạt các vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực cơ quan mình quản lý.

3. Trường hợp vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường phải xử phạt ở mức cao hơn mức xử phạt quy định đối với người có thẩm quyền đang thụ lý thì phải chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền cao hơn quyết định.

5. Khi xét thấy hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường có dấu hiệu tội phạm thì những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan điều tra hoặc Viện Kiểm sát Nhân dân cùng cấp giải quyết.

Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ vi phạm về bảo vệ môi trường có dấu hiệu tội phạm để xử phạt hành chính.

Điều 5. Áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khác

1. Khi xử phạt bằng hình thức phạt tiền, mức phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung phạt tiền quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt tiền có thể giảm xuống thấp hơn nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên cao hơn nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng được áp dụng theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác phải được áp dụng kèm theo hình phạt chính nếu Nghị định này có quy định việc xử phạt bổ sung và áp dụng các biện pháp khác đối với hành vi vi phạm hành chính nhằm triệt để xử lý vi phạm, loại trừ nguyên nhân, điều kiện tiếp tục vi phạm và khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Chương II

NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 6. Vi phạm về phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng đối với hành vi nộp không đúng thời hạn quy định Bản kê khai các hoạt động có ảnh hưởng đến môi trường và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các cơ sở đang hoạt động.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a. Không nộp Bản kê khai các hoạt động có ảnh hưởng đến môi trường của cơ sở đang hoạt động;

b. Không nộp Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án hoặc cơ sở đang hoạt động do cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thẩm định theo danh mục của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường ban hành;

c. Cản trở công tác điều tra, nghiên cứu, kiểm soát đánh giá hiện trạng môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường do Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a. Không nộp hoặc không nộp đúng thời hạn quy định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án hoặc cơ sở đang hoạt động do cấp Trung ương thẩm định theo danh mục của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường ban hành;

b. Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu ghi tại phiếu thẩm định hoặc giấy phép về môi trường của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a. Tước quyền sử dụng đến 6 tháng giấy phép về môi trường đối với vi phạm tại điểm b khoản 3 của Điều này;

b. Buộc chấm dứt vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 của Điều này; buộc thực hiện đúng yêu cầu đối với vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 của Điều này.

Điều 7. Vi phạm về bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a. Khai thác các nguồn lợi sinh vật không theo đúng thời vụ, địa bàn, phương pháp và bằng công cụ, phương tiện huỷ diệt hàng loạt, làm tổn hại tính đa dạng sinh học, gây mất cân bằng sinh thái;

b. Sử dụng, khai thác khu bảo tồn thiên nhiên không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp;

c. Sử dụng, khai thác khu bảo tồn thiên nhiên không theo đúng các quy định ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a. Khai thác các nguồn lợi sinh vật gây tổn hại tính đa dạng sinh học, gây mất cân bằng sinh thái trong trường hợp tái phạm;

b. Sử dụng, khai thác khu bảo tồn thiên nhiên không có giấy phép hoặc không theo đúng quy định ghi trong giấy phép trong trường hợp tái phạm.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi được quy định tại khoản 2 của Điều này trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a. Tịch thu tang vật, công cụ, phương tiện khai thác đối với trường hợp vi phạm quy định khoản 1, khoản 2 của Điều này;